

Số: **4367** /QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày **30** tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án đầu tư Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc
Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 1071/QĐ-BNN-KH ngày 30/3/2017 phê duyệt chủ trương đầu tư và số 4303/QĐ-BNN-KH ngày 26/10/2017 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư Dự án Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng;

Xét Tờ trình số 08/TTr-TLDTTPH ngày 27/10/2017 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa về việc thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư Dự án Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng, kèm theo Báo cáo thẩm tra số 65/CV-HEC3 ngày 23/10/2017 do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi 3 thực hiện và hồ sơ thiết kế do Liên danh Viện Thủy lợi và Môi trường - Công ty Cổ phần Tư vấn XD TL II - Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam lập;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 60/BC-TCTL-XDCB ngày 26/10/2017 của Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Nâng cao năng lực phục vụ theo nhiệm vụ thiết kế của kênh Tây:
- + Tưới ổn định, tạo nguồn cho 21.000 ha, cấp nước tưới bổ sung cho khu vực thuộc huyện Tân Biên kết hợp nuôi trồng thủy sản 6.407 ha;
- + Tạo nguồn cấp nước tưới cho 16.953 ha cho khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông;
- + Tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi với lưu lượng 2,5 m³/s cho tỉnh Tây Ninh (trong đó: 1,5 m³/s cho Thành phố Tây Ninh và các huyện Dương Minh Châu, Tân Biên, Châu Thành; 1,0 m³/s cho khu phía Tây sông Vàm Cỏ Đông);
- + Xả nước qua kênh tiêu Phước Hội - Bến Đình với lưu lượng 5 m³/s hỗ trợ tạo nguồn tưới cho các khu tưới ven sông Vàm Cỏ Đông và tạo dòng chảy môi trường;
- + Tiêu cho lưu vực 8.920 ha.
- Góp phần cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh; nâng cao năng lực quản lý, vận hành, khai thác công trình thủy lợi.

4. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Nâng cấp kiên cố hóa một phần kênh Tây; kết hợp sửa chữa, nâng cấp, làm mới một số công trình trên kênh Tây.
- Nạo vét trục tiêu suối Xa Cách.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Viện Thủy lợi và Môi trường - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng thủy lợi II - Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam.

6. Chủ nhiệm lập dự án: ThS. Lê Xuân Bảo.

7. Địa điểm xây dựng: Gồm 3 huyện Dương Minh Châu, Tân Biên, Châu Thành và Thành phố Tây Ninh, thuộc tỉnh Tây Ninh.

8. Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích chiếm đất (mở rộng thêm) là 0,16 ha.

9. Loại, cấp công trình:

- | | |
|---------------------|-----|
| - Cấp công trình: | II |
| - Mức đảm bảo tưới: | 85% |
| - Mức đảm bảo tiêu: | 90% |

10. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước: - Thiết kế cơ sở
- Thiết kế BVTC-DT

11. Phương án xây dựng : Theo hình thức sửa chữa, nâng cấp. Cụ thể:

11.1. Kênh Tây:

a) Các chỉ tiêu thiết kế như sau:

TT	Đoạn kênh	L (m)	m	B _{đáy} (m)	H _{Gia cố}
	Kênh Tây	39.055	- Lưu lượng thiết kế tưới tại đầu kênh chính Tây $Q_{TK} = 57,69 \text{ m}^3/\text{s}$; - Cấp nước cho khu tây sông Vàm Cỏ Đông tại đầu kênh TN21.		
1	K0+000÷K13+072	13.072	Không gia cố		
2	K13+072÷K14+500	1.428	1,75	22	3,6
3	K14+500÷K17+430	2.930	Không gia cố		
4	K17+430÷K18+230	800	1,75	14 ÷ 18	3,8
5	K18+230÷K19+130	900	Không gia cố		
6	K19+130÷K21+643	2.513	1,75	14 ÷ 18	3,8
7	K21+643÷K24+330	2.687	1,75	12 ÷ 18	3,8 ÷ 4,4
8	K24+330÷K25+530	1.200	1,75	12 ÷ 14	4,4 ÷ 4,3
9	K25+530÷K28+630	3.100	1,75	12 ÷ 14	4,3
10	K28+630÷K30+730	2.100	1,75	12 ÷ 18	4,3
11	K30+730÷K34+330	3.600	2,0	12 ÷ 14	4,3÷3,4
12	K34+330÷K36+560	2.230	1,75	12	3,4
13	K36+560÷K39+055	2.495	Không gia cố		

b) Nội dung sửa chữa, nâng cấp:

- Đào, nạo vét đủ mặt cắt những đoạn kênh còn nông, hẹp theo thiết kế;
- Xử lý những đoạn kênh qua vùng địa chất yếu bị sạt trượt, bồi lấp, bảo đảm cho kênh có mặt cắt ổn định, vững chắc, duy trì khả năng chuyển tải đủ lưu lượng và mực nước theo thiết kế;
- Xử lý những đoạn kênh bị thấm, gây mất nước và sạt trượt mái kênh;
- Sửa chữa, cải tạo, bổ sung các công trình trên kênh (cầu máng, cống điều tiết, cống xả đáy, cống đầu kênh cấp 1...), bảo đảm công trình vững chắc, ổn định, thuận lợi cho quản lý vận hành.

c) Phương án cụ thể:

- Gia cố 9 đoạn mái kênh bằng BTCT M200 đổ tại chỗ, tấm lát hoặc tấm lát trong khung; tổng chiều dài gia cố: 19,658 km, cụ thể:

+ 03 đoạn gia cố mái bằng tấm lát BTCT M200 đúc sẵn dày 10 cm và 05 đoạn gia cố bằng BTCT M200 đổ tại chỗ dày 12 cm; đầm chân mái các đoạn bằng BTCT M200 đúc sẵn; các đoạn kênh sạt trượt bổ sung gia cố chân mái

bằng 2 hàng cừ chàm; riêng các đoạn kênh trước và sau cầu máng (K24+330 - K25+255, K25+375 - K25+530) được gia cố đáy bằng BTCT M200 đổ tại chỗ dày 12 cm.

+ 01 đoạn kênh có địa chất cao lanh, mái được gia cố bằng tấm BTCT M200 đúc sẵn trong khung BTCT M200, bên dưới là tầng lọc ngược, đáy kênh được giằng bằng các dầm BTCT M200 nối với khung bê tông 2 mái kênh.

- Sửa chữa, làm mới các công trình trên kênh (cống điều tiết, cống lấy nước, cống xả đáy...). Các công trình lớn được sửa chữa, nâng cấp gồm: Bổ sung thêm 1 khoang cầu máng bằng BTCT M300 tại K25+255, cống đầu kênh TN21, sửa chữa 4 cống và làm lại 1 cống điều tiết trên kênh.

11.2. Suối Xa Cách: Nạo vét trục tiêu suối Xa Cách dài 2,0 km, chiều rộng đáy B = 12 - 18 m, chiều sâu nạo vét trung bình từ 0,5 - 1,3 m.

12. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư được duyệt tính theo mặt bằng giá Quý II năm 2017 của tỉnh Tây Ninh là: **400.000.000.000 đồng** (Bốn trăm tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	298.133.530.000 đ
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng:	800.000.000 đ
- Chi phí quản lý dự án:	4.395.254.000 đ
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	25.613.205.000 đ
- Chi phí khác:	14.719.149.000 đ
- Chi phí dự phòng:	56.339.000.000 đ

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn đầu tư:

Vốn TPCP giai đoạn 2017-2020 do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý 400 tỷ đồng, phân bổ cho dự án 360 tỷ đồng (đã trừ tiết kiệm 10% TMĐT).

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án: 5 năm từ năm 2017-2021.

16. Loại dự án: Nhóm B.

17. Một số lưu ý trong giai đoạn thiết kế chi tiết:

- Thực hiện những kiến nghị của tư vấn thẩm tra tại báo cáo số 65/CV-HEC3 ngày 23/10/2017 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi 3.

- Khảo sát, đánh giá kỹ về địa chất, hiện trạng từng đoạn kênh, xác định phạm vi cụ thể, chính xác đoạn kênh có địa chất xấu (cao lanh, cát chảy, đá ong...) để có giải pháp xử lý phù hợp, bảo đảm ổn định.

- Về thiết kế:

+ Xem xét thiết kế các khung, dầm dạng bê tông đúc sẵn lắp ghép; rà soát kích thước, kết cấu các tấm bê tông đúc sẵn đảm bảo bền vững, vận

chuyển và lắp đặt linh hoạt, thuận lợi trong công tác quản lý chất lượng, giảm chi phí đầu tư;

- + Đối với các kết cấu bê tông đổ tại chỗ cần áp dụng ván khuôn trượt đảm bảo chất lượng bê tông mái kênh;

- + Thiết kế kết cấu tiêu thoát nước ngầm, nước thấm mái kênh cho phù hợp với các đoạn kênh đào, nửa đào nửa đắp,...tránh bị đầy nổi, bảo đảm mái kênh ổn định;

- + Đối với các công trình chính trên kênh: Các cống điều tiết lớn (K21+643,...) cần xem xét giải pháp điều tiết kiểu đập vai dài, thuận lợi cho công tác quản lý vận hành. Đánh giá kỹ hiện trạng, kết cấu, chất lượng bê tông, khớp nối,...của cầu máng cũ tại K25+255 và đề xuất giải pháp sửa chữa, nâng cấp, bổ sung cho phù hợp (hạng mục cầu máng bổ sung cần nghiên cứu làm rõ sự cần thiết, đảm bảo tối ưu về kỹ thuật, kinh tế; cầu máng bổ sung cần thiết kế cửa vào và cửa ra thuận về thủy lực, giảm tối đa về tổn thất cục bộ và bố trí tuyến phù hợp với cầu máng cũ);

- Về biện pháp thi công: Tư vấn thiết kế cần lập chi tiết biện pháp thi công cho từng đoạn kênh phù hợp với thời gian cắt nước; đặc biệt đối với đoạn kênh trước K21+643, khi lập biện pháp thi công, giải pháp dẫn dòng phải phù hợp với điều kiện kênh thường xuyên phải cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp;

- Rà soát cụ thể các bãi thải khi nạo vét suối Xa Cách và kênh Tây, đảm bảo cự ly vận chuyển hợp lý, giảm thiểu đền bù giải phóng mặt bằng;

- Phối hợp thực hiện đồng bộ với Dự án Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông do UBND Tỉnh Tây Ninh đang thực hiện đảm bảo mục tiêu đã phê duyệt nhằm phát huy hiệu quả chung, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng dự án;

- Chủ đầu tư rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các hạng mục của dự án, trình phê duyệt dự toán trong phạm vi nguồn vốn được bố trí 360.000.000.000 đồng (nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ).

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cấp quyết định đầu tư, Bộ giao nhiệm vụ:

- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư theo quy định hiện hành.

- Tổng cục Thủy lợi thực hiện chức năng quản lý nhà nước, hướng dẫn, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo thực hiện Dự án Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- Sở NN&PTNT Tây Ninh
- Kho bạc NN tỉnh Tây Ninh;
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TCTL (18b).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Văn Thắng



Phụ lục
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án Sửa chữa, nâng cấp kênh Tây thuộc Hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng
(Kèm theo Quyết định số **4367**/QĐ-BNN- TCTL ngày **30** tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	Kinh phí
I	Chi phí xây dựng + thiết bị	298.133.530
II	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (tạm tính)	800.000
III	Chi phí Quản lý dự án	4.395.254
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	25.613.205
A	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	8.413.742
1	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư	6.534.952
2	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.693.000
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo NCKT	185.790
B	Giai đoạn thực hiện dự án	17.199.463
1	Chi phí khảo sát giai đoạn thực hiện dự án	3.920.971
2	Chi phí lập TKKT, TKBVTC	7.336.079
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	205.637
4	Chi phí thẩm tra dự toán	196.693
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn	39.622
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công	166.046
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	146.313
8	Chi phí giám sát thi công công trình	3.376.101
9	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng	212.000
10	Chi phí lập quy trình vận hành kênh Tây	1.300.000
11	Chi phí khác	300.000
V	Chi phí khác	14.719.149
1	Chi phí hạng mục chung	8.664.006
2	Chi phí rà phá bom mìn, vật liệu nổ (tạm tính)	1.000.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	1.520.481
4	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	56.000
5	Phí thẩm định dự án đầu tư	33.333
6	Phí thẩm định thiết kế của cơ quan quản lý nhà nước	36.911
7	Phí thẩm định dự toán của cơ quan quản lý nhà nước	35.285
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	149.067
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	149.067
10	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công (tạm tính)	300.000
11	Chi phí kiểm định chất lượng công trình (tạm tính)	700.000
12	Chi phí kiểm toán	1.550.000
13	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	525.000
VI	Chi phí dự phòng	56.339.000
	Tổng kinh phí	400.000.000